

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN PHƯỚC  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 15 -3 - 2022

V/v “ Tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trà Thị Thanh Thắm;**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Thanh Hải;**

**Ông Hồ Công Luận;**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Ông **Võ Như Phong** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1967.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H) trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam năm 2005, từ thời gian đó đến nay sống chung với nhau tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình sống chung do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T cờ bạc, uống rượu ít quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, nhiều lần bà cố gắng gượng vì con chung

nhưng đến nay bà xét thấy không muốn tiếp tục chung sống với ông T nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo nội dung bản tự khai, lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của bà H về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân giữa hai người, ông thừa nhận trong thời gian sống chung với bà H ông cũng có khuyết điểm như bà H trình bày. Tuy nhiên, vì hiện nay các con đã trưởng thành, nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con, vì vậy ông không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông không có yêu cầu giải quyết.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, do các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H) được ly hôn với ông Nguyễn Minh T; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt, vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của bà H, ông T có tại hồ sơ vụ án thì ông T, bà H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2005. Trong quá trình chung sống giữa ông, bà có phát sinh mâu thuẫn, vấn đề này đã được bị đơn ông T thừa nhận tại Biên bản ghi lời khai do Tòa án lập ngày 06/01/2022. Vì vậy, bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Mặc dù, tại Bản tự khai và Biên bản ghi lời khai bị đơn ông T đều không đồng ý hôn với bà H vì ông cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà H chưa đến mức độ trầm trọng dẫn đến phải ly hôn nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia hòa giải mặc dù Tòa án đã nhiều lần giao Thông báo cho ông, điều này thể hiện ông không có thiện chí được đoàn tụ với bà H. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07/01/2022 nguyên đơn bà H trình bày từ tháng 3/2021 đến nay bà và ông T không còn sống chung với nhau nữa, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn lại được, bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H) được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H ( Nguyễn Thị H) phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H), xử cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H) phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0008593 lập ngày 28 tháng 12 năm 2021. Bà H đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Trà Thị Thanh Thắm**



***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Sơn, huyện T Phước.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trà Thị Thanh Thắm**